## BÀI 34: THỰC VẬT

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

- Nhận biết được thế giới thực vật đa dạng, phong phú về loài, kích thước và môi trường sống

- Phân biệt được hai nhóm: thực vật có mạch và thực vật không có mạch. Nêu được các đại diện thuộc các nhóm/ ngành phân loại

- Trình bày được vai trò quan trọng của thực vật với tự nhiên, con người, động vật

- Ứng dụng được những lợi ích của thực vật vào đời sống

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác

**- Năng lực riêng:**

* Năng lực nghiên cứu khoa học
* Năng lực phương pháp thực nghiệm.
* Năng lực trao đổi thông tin.
* Năng lực cá nhân của HS.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ, yêu thiên nhiên

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:**

* Tranh ảnh các loài thực vật có kích thước khác nhau
* Tranh ảnh hoặc mẫu vật các loài đại diện của mỗi nghành thực vật
* Dụng cụ chiến tranh, ảnh lên màn ảnh ( nếu có)
* Phiếu học tập theo mẫu

**2 - HS** : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** Đánh giá những hiểu biết đã có của HS về thwucj vật

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để dự đoán kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi ở phần khởi động và đến mỗi nội dung tương ứng với bài sẽ tự kiểm tra được câu tar lời của mình đã chính xác hay chưa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv tổ chức chia lớp thành các nhóm, chiếu hình ảnh và đưa ra câu hỏi khởi độngyêu cầu HS trả lời:

- Quan sát và kể tên các loài thực vật trong hình.

- Tổ chức trò chơi thi kể tên thêm các loài thực vật mà em biết

*Dẫn dắt:* Xung quanh ta có muôn vàn những loài thực vật khác nhau. Thực vật rất đa dạng và chúng có những vai trò vô cùng quan trọng trong tự nhiên và đời sống. Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu về thực vật xung quanh chúng ta và trau dồi thêm nhiều đều mới lạ về chúng.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về sự đa dạng của thực vật**

**a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu về sự đa dạng của thực vật thông qua số liệu, hình ảnh trong SGK

**b. Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Dựa vào kết quả cả trò chơi khởi động kết hợp với bảng “ số lượng các loài thực vật ở VN”, GV yêu cầu HS nhận xét về số lượng loài của mỗi nghành  Yêu cầu HS dựa vào hình 34.1 để nhận xét về kích thước cơ thể các loài trong hình và kích thước các loài thực vật nói chung  Gv chiếu thêm tranh ảnh các loài thực vật có kích thước khác nhau ( rất nhỏ vé, trung bình và rất lớn) và yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở mục I SGK  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Hoạt động cá nhân, quan sát hình  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS nhận xét, bổ sung  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại kiến thức | **I. Đa dạng thực vật**  Thực vật gồm nhiều loài và có kích thước khác nhau, sống trong những môi trường khác nhau: trên cạn, dưới nước ( nước mặn, nước ngịt)  Tại Việt Nam:  + Số lượng loài của ngành thực vật nhiều nhất, là 10 300 loài.  + Số lượng loài của ngành thực vật hạt trần ít nhất là 69 loài |

**Hoạt động 2: Nhận biết và phân biệt được các nhóm, nghành thực vật**

**a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu về sự đa dạng về số lượng loài của thực vật và phân biệt được các nhóm, ngành thực vật

**b. Nội dung:** HS sử dụng tranh ảnh, mẫu vật để HS quan sát và rút ra nhận xét về đặc điểm nổi bật của các nhóm/ ngành thực vật

**c. Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu sơ đồ phản nhóm thực vật, yêu cầu HS đọc SGK để trả lời câu hỏi:  “Dựa vào đâu để phân chia thực vật thành hai nhóm: thực vật có mạch và thực vật không có mạch? Trình bày điểm khác biệt giữa hai nhóm đó  GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, mỗi nhóm khoảng 5 - 6 HS, tìm hiểu về các nhóm, ngành thực vật theo các nội dung đưới đây rồi hoàn thành kết quả thảo luận ở phiếu học tập theo mẫu  Các đặc điểm tìm hiểu về các nhóm/ ngành Thực vật:  + Kích thước.  + Nơi sống.  + Cơ quan sinh sản.  + Vị trí hạt (nếu có).  + Đại diện.  GV gợi ý kết quả phiếu học tập vừa làm chính là câu trả lời câu 1 của hoạt động ở nội dung II “Các nhóm thực vật? GV cho HS quan sát tranh, ảnh của các loài nhắc đến ở câu 2 trong hoạt động, HS dựa vào những kiến thức đã học để phân loại các loài vào ngành phù hợp và giải thích lí do vỉ sao lại sắp xếp như vậy.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS quan sát, hoạt động nhóm và hoàn thành PHT1 và câu hỏi ở phần II  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Sau khi hoàn thành thảo luận nhóm, đại điện các nhóm trình bày kết quả thảo luận  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV tổng hợp lại kết quả và nhận xét sau mỗi hoạt động của HS, chốt kiến thức. | **II. Các nhóm thực vật**  Các loài thực vật đều có một số đặc điểm giống nhau và từ đó chính đươc chia thành 2 nhóm chính là thực vật có mạch và thực vật không mạch  *1. Thực vât không mạch*  Là những nhóm thực vật không có hệ thống mạch, không có rễ, thân, lá ( rêu, tảo)  *2. Thực vật có mạch*   Là các nhóm thực vật có hệ mạch dẫn phát triển. Điển hình là các đại diện:  + Dương xỉ  +Thực vật hạt trần ( có hạt nằm lộ trên các lá noãn hở)  + Thực vật hạt kín (hạt được bảo vệ trong quả)  CH:  1. Ở những nơi khô hạn, có nắng thì rêu không sống được vì rêu có cấu tạo đơn giản, không có mạch dẫn để hút nước nên không thể sống nơi khô hạn hay có ánh sáng  chiếu vào. (H}  2\*. Rêu thường mọc ở những nơi ẩm ướt, do đó để tránh hiện tượng mọc rêu ở chân tường hay bậc thểm thì cẩn giữ cho các khu vực đó luôn khô ráo, tránh ẩm ướt. (H)  ?1. Lá non của dương xỉ cuộn tròn ở đầu.  ?2. Một số loài thuộc ngành Hạt kín: hoa li, ổi, chanh, cà chua,... |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Đặc điểm  Ngành | Kích thước | Nơi sống | Cơ quan sinh sản | Vị trí hạt | Đại diện | | Rêu | Khoảng 1-2cm | Ở nơi ẩm ướt, ít ánh sáng | Bằng bào tử | x | Thực vật không có mạch | | Dương xỉ | Cao khoảng 20-50 cm | Nơi ẩm, mát như bờ ruộng, chân tường, rừng cây | Bằng bào tử | x | Thực vật có mạch | | Hạt trần | Kích thước lớn | Sống ở nhiều khi khu rừng | Sinh sản bằng hạt | Nằm lộ trên các lá noãn hở | Thực vật có mạch | | Hạt kín | Tùy từng loài mà kích thước sẽ khác nhau | Thích nghi với nhiều môi trường sống khác nhau | Hoa và quả ( có chứa hạt) | Hạt nằm ở trong quả | Thực vật có mạch | | |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu vai trò của thực vật và ứng dụng trong đời sống**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được sự quan trọng của thực vật đối với môi trường, con người, động vật, ứng dụng được vai trò của các loài thực vật có lợi cho môi trường, trong đời sống và sản xuất

**b. Nội dung:** HS sử dụng tranh ảnh và thông tin SGK để HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu vai trò đối với môi trường*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV dẫn dắt, đưa ra câu hỏi gợi mở:  Công viên, vườn quốc gia đều là những nơi mà các em đã được tới tham quan. Những nơi này trồng có rất nhiều các loài thực vật khác nhau. Khi tới đây, các em cảm thấy không khí nơi đây như thế nào? Tại sao lại như thế?  GV chiếu thêm các hình ảnh về các loài cây có tác dụng làm sạch không khí thường gặp và giới thiệu về chúng( VD: cây kim tiền, cây trúc đào, cây lưỡi hổ,…)  Sau khi giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi  Vậy vai trò của thực vật với môi trường là gì? Các em có đề xuất những biện pháp gì để bảo vệ môi trường, thực vật xung quanh chúng ta  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS nghe, quan sát và chuân bị câu trả lời theo yêu cầu GV  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi HS trả lời và những HS còn lại nhận xét và bổ sung  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và bổ sung:  Lượng chảy của nước mưa trên mặt đất ở nơi đối trọc (Hình 34.9b) lớn hơn so với nơi có rừng (Hình 34.94) vì cây trong rừng là vật cản làm giảm lượng chảy của nước mưa. Lượng chảy lớn có thể làm mất đi chất đình dưỡng của lớp đất bể mặt, lâu ngày gây sạt lở đất, xói mòn. | **III. Vai trò của thực vật**  **1. Vai trò đối với môi trường**  Vai trò:  + Cân bằng khí Oxygen và carbon dioxide trong khí quyển  + Giảm nhiệt độ môi trường điều hòa không khí, giảm hiệu ứng nhà kính  + Tạo tính thẩm mỹ cho ngôi nhà…  + Bảo vệ đất và nguồn nước, hạn chế giảm nhẹ mức độ nguy hiểm của thiên tai như sạt lở, lũ quét  - Một số cây nên trồng trong nhà: cây lan, cây hoa mai, cây lưỡi hổ, cây thường xuân, cây trầu bà, ...  - Các biện pháp giúp hạn chế tình trạng trên: trồng nhiều cây xanh, bảo vệ rừng. |

*Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu vai trò đối với con người và động vật*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS thực hiện hoạt động trong SGK để tìm hiểu vai trò của thực vật với con người  GV nêu câu hỏi “Cơn người và động vật sẽ bị ảnh hưởng như thế nào nếu không có thực vật?”  Yêu cầu HS quan sát tranh và tự hoàn thiện bảng hoạt động trang 121 SGK  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, liên hệ tìm ra vai trò của thực vật đối với con người, động vật.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Gọi HS trả lời và những HS còn lại nhận xét và bổ sung  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và bổ sung chốt kiến thức | **2. Vai trò đối với con người và động vật.**  + Thực vật có vai trò với động vật: là nơi ở, là thức ăn  VD: trâu ăn cỏ, chim sống trên cây,….  + Vai trò của thực vật đối với con người: cung cấp oxygen; cung cấp lương thực, thực phẩm; cung cấp nguyên liệu cho ngành xây dựng và công nghiệp; làm thuốc, làm cảnh,... |

**C+ D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP + VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu :** Học sinh củng cố lại kiến thức vận dụng thực tế

**b. Nội dung :** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức vào cuộc sống

**c. Sản phẩm :** kĩ năng thực tiễn

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS ở nhà vận dụng những kiến thức đã học để chăm sóc cây xanh, lựa chọn được cây xanh làm sạch không khí cho gia đình, lựa chọn thực phẩm sạch,….

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện PHT  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đặc điểm  Ngành | Kích thước | Nơi sống | Cơ quan sinh sản | Vị trí hạt | Đại diện |
| Rêu |  |  |  |  |  |
| Dương xỉ |  |  |  |  |  |
| Hạt trần |  |  |  |  |  |
| Hạt kín |  |  |  |  |  |

Ngày soạn:.../..../.....

Ngày dạy::.../..../.....

## BÀI 35: THỰC HÀNH: QUAN SÁT VÀ PHÂN BIỆT MỘT SỐ NHÓM THỰC VẬT

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này, HS:

- Quan sát, nhận biết và phân biệt được trên hình ảnh, mẫu vật: các bộ phận của cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá,....) cơ quan sainh sản ( túi bào tử, nón cái, nó đực, hoa), vị trí của hạt (hạt trần, hạt kín)

- Phân chia được các mẫu vật vào các nhóm thực vật theoc ác tiêu chí phân loại đã học

- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị, mẫy vật của bài thực hành

- Phát triển được các kĩ năng quan sát, năng lực thực hành,....

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác

**- Năng lực riêng:**

* Năng lực nghiên cứu khoa học
* Năng lực phương pháp thực nghiệm.
* Năng lực quan sát, trao đổi thông tin.
* Năng lực cá nhân của HS.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:**

- Thiết bị, dụng cụ cho bài thực hành ( phần 1 chuẩn bị)

- Mẫu vật thật, tranh, ảnh liên quan đến nội dung thực hành

- PHT để làm bài thu hoạch

**2 - HS** : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** khích thích trí tò mò, hứng khởi của HS về bài học

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Từ nắm được nội dung tiết học

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV dẫn dắt bài học:

Ở bài học trước chúng ta đã đi tìm hiểu về thực vật, nhận thấy được sự đa dụng cũng như vai trò của thực vật trong tự nhiên và đời sống. Bài 35 mà chúng ta học ngày hôm nay, chúng ta sẽ thực hành quan sát và phân chia được các nhóm thực vật vào tiêu chí đã học

**B.** **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

**Hoạt động 1: Hướng dẫn HD quan sát và phân tích mẫu vật**

**a. Mục tiêu:** Tìm ra các đặc trưng phân loại mẫu vật vào từng ngành thực vật phù hợp hoặc từ những đăc điểm quan sát được kiểm chứng

**b. Nội dung:** HS quan sát, phân tích mẫu vật để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV Chia lớp thành các nhóm nhỏ khoảng 5 - 6 HS/nhóm. Mỗi nhóm đều có khay mẫu (gồm rêu, dương xì, thông, bí ngô) và thiết bị, dụng cụ giống nhau. Các nhóm tiến hành quan sát lần lượt các mẫu vật theo hướng dẫn và yêu cẩu trong SGK.  Yêu cầu HS nhận xét sự khác nhau về kích thước cơ thể và đặc điểm của các cơ quan  sinh dưỡng ở mỗi đại diện (Có rễ thật chưa? Thân có mạch đẳn không? Đa đạng về hình thái như thế nào?).  GV hướng dẫn HS quan sát:  + Quan sát cơ quan sinh sản của rêu (bào tử), đương xỉ (túi bảo tử); thông (nón); bí ngô (hoa). Yêu cầu HS chỉ ra được sự khác nhau về đặc điểm giữa nón đực và nón cái của thông.  + Yêu cầu HS xác định được vị trí của hạt thông và hạt bí ngô (được bao bọc hay lộ ra ngoài), từ đó HS nhận xét được về những ưu thế và tiến hoá của ngành thực vật Hạt kín so với các ngành khác trong hệ thống phân loại thực vật.  Lưu ý:  + HS cẩn thận khi sử dụng các dụng cụ như dao lam, kim nhọn....  + Thao tác cắt ngang thân rêu. Lát cắt càng mông và đều thì quan sát bằng kính hiển vi càng rõ và đẹp.  Trong khi các nhóm làm thực hành, GV tương tác với từng nhóm để nhắc nhở và hỗ trợ HS trong quả trình thực hành.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Hoạt động theo nhóm, quan sát. So sánh kết quả quan sát được với các hình ảnh trong sách hoặc tranh, ảnh  GV cung cấp.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  Đánh giá kĩ năng, thái độ của mỗi HS hoặc từng nhóm HS sau khi kết thúc bài thực hành. | **III. Cách tiến hành**  - Quan sát đại diện thực vật không có mạch  - Quan sát đại diện ngành dương xỉ  - Quan sát đại diện ngành hạt trần ( Thông)  - Quan sát đạo diện nghành hạt kín ( Bí ngô) |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bài thu hoạch và sản phẩm thực hành**

**a. Mục đích:** Tổng hợp lại kết quả và hoàn thành bài thu hoạch cùng nhận xét, giải thích của mình về các kết quả thực hành

**b. Nội dung:** Tổng hợp lại những gì quan sát và hoàn thiện bài thu hoạch

**c. Sản phẩm:** Bài thu hoạch hoàn chỉnh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu HS hoàn thiện bài thu hoạch bằng cách hoàn thiện 2 câu hỏi phần III vào giấy  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS ghi lại kết quả đã tổng hợp vào giấy  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV thu lại bài thu hoạch  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét đánh giá | **III. Thu hoạch**  HS dựa vào kết quả quan sát thực tế để hoàn thành |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên ngành | Tên ngành | Lí do | | Rêu thường | Ngành rêu | Cơ qua sinh sản là bào tử, không phân nhannhs, không có mạch dẫn | | Dương xỉ | Ngành dương xỉ | Cơ quan sinh sản là bào tử, tập trung thành ổ/túi. Lá non cuộn tròn ở đầu | | Thông | Ngành hạt trần | Cơ quan sinh sản là nón, hạt thông lộ ra ngoài nằm trên các lá noãn hở | | Bí ngô | Nghành hạt kín | Bí ngô đã có quả thực sư, hạt nằm trong quả | | |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo PHT 1  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Cách HS hoạt động nhóm, trao đổi |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

*PHT1:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên ngành | Tên ngành | Lí do |
| Rêu thường |  |  |
| Dương xỉ |  |  |
| Thông |  |  |
| Bí ngô |  |  |

Ngày soạn:.../..../.....

Ngày dạy::.../..../.....

## BÀI 36: ĐỘNG VẬT

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

- Nhận biết được hai nhóm: động vật không xương sống và có xương sống thông qua tranh, ảnh hoặc mẫu vật và trong tự nhiên

- Phân loại đượcc ác loài động vật vào các lớp/ ngành thuộc nhóm động vật không xương sống và có xương sống

- Lấy được ví dụ minh họa đại diện cho từng lớp/ ngành

- Nêu được tính đa dạng của động vật

- Nêu được vai trò của động vật trong tự nhiên đối với con người

- Nêu được tác hại của động vật đối với con người và với sinh vật khác

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác

- Năng lực riêng:

* Năng lực nghiên cứu khoa học
* Năng lực phương pháp thực nghiệm.
* Năng lực trao đổi thông tin.
* Năng lực cá nhân của HS.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:**

- Các tranh, ảnh đại diện các lớp/ ngành thuộc giới Động vật

- Thiết bị để trình chiếu, slide bài giảng

- Phiếu học tập (dùng cho phần kiểm tra, đánh giá)

**2 - HS** : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:**

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Dẫn dắt: Xung quanh chúng ta có rất nhiều loài động vật. Có những loài động vật rất gần gũi hằng ngày tiếp xúc với chúng ta như chó, mèo, chim,…. Nhìn vào bức tranh chúng ta có thể nhận thấy rất nhiều loài động vật khác nhau.



Các em hãy quan sát tranh và kể tên các loài động vật trong hình. Em đã bao giờ nhìn thấy loài này chưa? Kể thêm một số loài động vật mà em biết. Những loài động có đặc điểm như thế nào thì được sắp xếp vào giới động vật

GV chia lớp thành 4-5 nhóm, các nhóm trao đổi và bàn bạc, tổ chức trò chơi thi kể tên, trong vòng 5p các nhóm lên bảng viết nhanh câu trả lời của nhóm mình. Nhóm nào trả lời nhanh, nhiều, chính xác nhất sẽ chiến thắng

GV nhận xét đánh giá kết quả

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về đa dạng động vật**

**a. Mục tiêu:** HS khái quát nắm được sự đa dạng của động vật thể hiện qua: số lượng loài, môi trường sống

**b. Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV: Chuyển đặt câu hỏi cho HS hoạt động theo nhóm đôi để trả lời:  Các loài động vật có thể sống ở đâu? Hãy kể tên một số loài động vật sống ở những nơi đó và hoàn thành bảng theo mẫu sau:   |  |  | | --- | --- | | Môi trường sống | Loài động vật | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   Từ đó giáo viên yêu cầu HS so sánh sự giống và khác nhau giữa động vật và thực vật  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Hoạt động theo nhóm đôi để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao  + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và kết luận | **I. Đa dạng động vật**  - So sánh giữa động vật và thực vật:  + Giống nhau: đều được cấu tạo từ tế bào, đều lớn lên và sinh sản.  + Động vật khác thực vật ở các đặc điểm: cấu tạo thành tế bào, hình thức dinh dưỡng, khả năng di chuyển, hệ thần kinh và giác quan.  - Động vật xung quang chúng ta rất đa dạng gồm hơn 1,5 triệu loài đã được xác định.  - Môi trường sống động vật đa dạng: dưới nước, trên cạn, trong đất, trong cơ thể sinh vật khác,….  VD:   |  |  | | --- | --- | | Môi trường sống | Loài động vật | | Trên cạn | Trâu, lợn, sư tử | | Dưới nước | Cá, tôm, trai, mực, cua,… | | Trong lòng đất | Giun,kiến,…. | | …. |  | |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu các nhóm động vật không xương sống**

**a. Mục tiêu:** HS tìm tòi khám phá về các đại diện động vật không xương sống thông qua những ví dụ

**b. Nội dung:** HS đọc thông tin SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi:  + Những loài có đặc điểm cơ thể như thế nào được xếp vào nhóm động vật không xương sống và gồm có những ngành chính nào?  + Tìm hiểu về môi trường sống, đặc điểm đặc trưng của mỗi ngành.  + Quan sát hình trong SGK hoặc hình GV cung cấp về đại diện của các ngành.  + Tìm thêm các đại điện ở mỗi ngành.  Sau đóm GV yêu cầu các nhóm tìm hiểu tiếp câu hỏi hoạt động ở mục II và hoàn thành phiếu học tập 1  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Hoạt động theo nhóm đôi để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao  + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và đánh giá HS ở mỗi lần HS trả lời. | **II. Các nhóm động vật**  *1. Động vật không xương sống*  Gồm những loài động vật cơ thể chúng không có xương sống ( ruột khoang, giun dẹp, giun tròn, giun đốt, giun đũa, giun đốt,nhữn động vật thân mền, động vật chân khớp….)  Vd:  + Một số loài thuộc ngành Thân mềm: ốc nhồi, ốc mít, trai, mực....  + Một số loài thuộc ngành Chân khớp: gián, châu chấu, tôm, cua, ruồi…  Dấu hiệu nhận biết mỗi ngành:  HĐ 1:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Ngành | Ruột khoang | Giun dẹp | Giun tròn | Thân mềm | Chân khớp | | Dấu hiệu | Đối xứng tỏa tròn | Cơ thể dẹp, đối xứng hai bên | Cơ thể hình trụ | Cơ thể mềm, có vỏ cứng | Phần phụ phân đốt |   HĐ2:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên loài | Đặc điểm nhận biết | Ngành | | Sứa | cơ thể đối xứng, khoang cơ thể thông với bên ngoài qua lỗ mở ở phần trên cơ thể | ruột khoang | | Châu chấu | chân phân đốt, nối với nhau bằng các khớp động | chân khớp | | Hàu biển | cơ thể mềm, bao bọc bởi lớp vỏ cứng bên ngoài | thân mềm | | Rươi | cơ thể phân đốt | giun đốt | |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu các nhóm động vật có xương sống**

**a. Mục tiêu:** HS tìm tòi khám phá về các đại diện động vật không xương sống

**b. Nội dung:** HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cẩu HS đọc SGK để chỉ ra điểm khác biệt cơ bản giữa động vật không xương sống và động vật có xương sống.  + GV cùng HS tìm hiểu các lớp chính của động vật có xương sống.  + HS đọc SGK để nêu đặc điểm đặc trưng ở từng lớp: môi trường sống, hình dạng,...  + Cho HS quan sát các hình trong SGK tương ứng với nội dung tìm hiểu  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS trả lời các câu hỏi trong SGK lần lượt theo trình tự nội dung tìm hiểu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung kiến thức: Con người được xếp vào đối tượng thuộc lớp động vật có vú | *2. Động vật có xương sống*  Gồm những loài động vật mà cơ thể chúng thường có xương sống:  + Lớp cá  + Lớp bò sát  + Lớp chim  + Lớp lưỡng cư  + Lớp động vật có vú ( Thú)  CH:  1.  + Cá nước ngọt: cá chép, cá mè, cá trảm,...  + Cá nước mặn: cá thu, cá chỉ vàng, cá nục, cá đuối,...  2. Nếu nuôi ếch ở nơi thiếu ẩm, ếch vẫn sống được vì ngoài hô hấp qua da, ếch trưởng thành còn có khả năng hô hấp bằng phổi  3. Các heo và cá voi mang các đặc điểm của lớp động vật có vú: hô hấp bằng phổi, đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ, có lông mao( rất ít) |

**Hoạt động 5: Tìm hiểu về vai trò của động vật**

**a. Mục tiêu:** HS tìm tòi, khám phá về vai trò của động vật thông qua tranh, ảnh và liên hệ đời sống hằng ngày

**b. Nội dung:** HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *NV1: Tìm hiểu về vai trò đối với tự nhiên*  + GV yêu cầu HS đọc SGK để trả lời câu hòi: Em hãy liệt kê các vai trò của động vật trong tự nhiên  + Sau đó GV giới thiệu về chuỗi thức ăn và cung cấp cho HS một vài chuỗi thức ăn cơ bản trong tự nhiên  *NV2: Tìm hiểu về vai trò đối với con người*  + Yêu cầu HS quan sát hình 36.3 về một số vai trò của động vật đối với con người. Sau đó HS thực hiện và hoàn thiện yêu cầu hoạt động trong SGK, liệt kê được vai trò của động vật với con người  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS trả lời các câu hỏi trong SGK lần lượt theo trình tự nội dung tìm hiểu.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại  + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung kiến thức | **III. Vai trò của động vật**  **1. Vai trò đối với tự nhiên**  Động vật có vai trò quan trọng trong cuộc sống hằng ngày:  + Cân bằng hệ sinh thái ( VD: rắn ăn chuột=> diều hâu ăn rắn,…  +Cải tạo đất đai ( giun, dế, bọ hung,…)  +Giúp thụ phấn cho cây, phát tán hạt cây ( dơi, chim phát tán hạt)  **2.Vai trò đối với con người**  + Cung cấp thức ăn cho con người ( bò, lợn, gà, tôm)  + Cung cấp nguyên liệu phục vụ đời sống như ( lông cừu làm áo, ngọc trai làm trang sức….)  + Phục vụ cho nhu cầu giải trí và an ninh cho con người ( chó trông nhà)  + Tiêu diệt các sinh vật gây hại cho con người, bảo vệ mua màng ( ong mắt đỏ tiêu diệt sâu gây hại, mèo diệt chuột,….)  + Là đối tượng thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu, thử nghiệm ( chuột, khỉ,…thử nghiệm thuốc) |

Hoạt động 5: Tìm hiểu tác hại của động vật

**a. Mục tiêu:** HS tìm tòi, khám phá về vai trò của động vật thông qua tranh, ảnh và liên hệ đời sống hằng ngày

**b. Nội dung:** HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ( 4-6 người), tìm hiểu thông tin trong SGK, quan sát tranh và dựa vào những hiểu biết của bản thân, nêu các tác hại của động vật.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS dựa vào thông tin trong SGK kết hợp với những hiểu biết của bản thân để nêu được tác hại của động vật đối với con người và các sinh vật khác.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS: Lắng nghe, ghi chú, một HS phát biểu lại  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung kiến thức | **IV. Tác hại của động vật**  - Tác hại:  + Động vật hút nhựa và ăn lá gây hại cho thực vật và : ốc bưu vàng, ốc sên, sâu hạo, chấy, rận  + Các loài động vật gây hại: chuột, gián, ruồi, muỗi  + Kí sinh gây bệnh cho động vật và người: giun, sán  + Trung gian truyền bênh: muỗi, chuột  => Để phòng tránh các bệnh giun, sản, mọi người nên ăn chín, uống sôi; rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và khi chế biến thực phẩm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu :** Học sinh củng cố lại kiến thức.

**b. Nội dung :** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm :** HS làm các bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS làm việc nhóm, kể tên, nơi sống và vai trò, tác hại của các loài động vật mà em biết vào bảng theo mẫu sau :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loài động vật** | **Nơi sống** | **Vai trò/ tác hại** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

HS trao đổi nhóm và hoàn thiện

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu :** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

**b. Nội dung :** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm :** HS làm các bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

Yêu cầu HS phân biệt được các loài động vật thuộc các lớp, các nghành khác nhau dựa vào các đặc điểm bên ngoài. HS vận dụng kiến thức vào phòng tránh các bệnh giun, sán vào thực tiễn

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện PHT  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHT1:**  HĐ 1: Với mỗi ngành thuộc nhóm động vật không xương sống, em hãy tìm ra một từ khóa là dấu hiệu giúp em nhận biết được chúng thuộc ngành nào.   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Ngành | Ruột khoang | Giun dẹp | Giun tròn | Thân mềm | Chân khớp | | Dấu hiệu |  |  |  |  |  |   HĐ2: Dựa vào cầu trả lời ở câu trên, hãy quan sát hình 13.7 và hoàn thành vào bảng theo mẫu sau vào vở.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên loài | Đặc điểm nhận biết | Ngành | | Sứa |  |  | | Châu chấu |  |  | | Hàu biển |  |  | | Rươi |  |  | |

Ngày soạn:.../..../.....

Ngày dạy::.../..../.....

## BÀI 37: THỰC HÀNH: QUAN SÁT VÀ NHẬN BIẾT MỘT SỐ NHÓM ĐỘNG VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

- Nhận biết và nêu tên được các loài động vật, quan sát được ngoài thiên nhiên

- Biết cách viết thu hoạch về kết quả học tập ngoài thiên nhiên

- Rèn luyện viết thu hoạch về kết quả học tập ngoài thiên nhiên

- Nâng cao lòng yêu thiên nhiên và ý thưc bảo vệ động vật

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác

**- Năng lực riêng:**

* Năng lực sử dụng kính lúp
* Năng lực quan sát
* Năng lực trao đổi thông tin.
* Năng lực cá nhân của HS.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ, yêu động vật

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** ống nhòm, kính lúp, máy ảnh, địa điểm gần trường họp ( lựa chọn: vườn cây, công viên, sở thú,...)

**2 - HS** : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi hứng thú cho HS

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV dẫn dắt vào bài học:**

*Ở bài trước chúng ta tìm hiểu động vật là một nhóm sinh vật đa bào được xếp vào giới động vật. Cơ thể chúng lớn lên khi phát triển, hầu hết chúng có thể di chuyển bằng cách tự nhiên và độc lập. Chúng cũng có quá trình tiến hóa và phát triển như loài người, có muôn vàn điều bí ẩn để chúng ta khám phá. Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ thực hành quan sát, kể tên và nhận biết về một nhóm động vật ngoài thiên nhiên*

**B.** **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

**Hoạt động: Thực hành quan sát trên tranh ảnh, tư liệu**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu cho HS về các nhóm động vật ngoài thiên nhiên

**b. Nội dung:** HS quan sát tranh ảnh, video và tư liệu để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành các nhóm nhỏ từ 5-6 người, các nhóm sẽ nghiên cứu quan sát từng khu vực:  + Phát hiện các loài ở từng khu vực, xác định tên, đặc điểm  + Quan sát cơ quan di chuyển và cách di chuyển của các loài  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Hoạt động theo nhóm, ghi chép lại những thông tin quan sát được  + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS tổng hợp ghi ghép, quan sát để chuẩn bị cho bài báo cáo  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  Sau khi HS quan sát xong, GV tập hợp HS lại và giải đáp những thắc mắc nếu có của HS | **II. Cách tiến hành**  **Bước 1: Quan sát động vật ở các khu vực khác nhau**  + Tiến hành quan sát, chụp ảnh các loài động vật ở các khu vực  +Ghi tên các loài đã quan sát được cùng với môi trường sống của chúng  **Bước 2:** Quan sát màu sắc, hình dạng, đặc điểm đặc trưng của các loài động vật. Sử dụng kính lúp, ống nhòm để quan sát. |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bài thu hoạch**

**a. Mục đích:** Tổng hợp lại kết quả và hoàn thành bài thu hoạch cùng nhận xét, giải thích của mình về các kết quả quan sát

**b. Nội dung:** Tổng hợp lại những gì quan sát và hoàn thiện bài thu hoạch

**c. Sản phẩm:** Bài thu hoạch hoàn chỉnh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu HS hoàn thiện bài thu hoạch bằng cách hoàn thiện 2 câu hỏi phần III vào giấy:  **Câu 1.** Hoàn thành bảng thu hoạch theo mẫu sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Tên động vật quan sát được | Môi trường sống | Đặc điểm  (hinh dạng, màu sắc, ...) | | 1 | Tôm | Dưới nước | Chân phân đốt | | 2 | ? | ? | ? | | 3 | ? | ? | ? | | 4 | ? | ? | ? | | ... | ? | ? | ? |   **Câu 2.** Trả lời câu hỏi:  a) Trong khu vực quan sát nhóm động vật nào em gặp nhiều nhất? Nhóm nào gặp ít nhất? Nhận xét về hình dạng, kích thước, cơ quan di chuyển và cách di chuyển của các loài động vật quan sát được.  b) Nêu tên các động vật có ích cho cây, có hại cho cây mà em quan sát được.  c) Nhiều loài động vật có màu sắc trùng với màu của môi trường hoặc có hình dạng giống với vật nào đó trong môi trường (Hình 14.3). Hãy kể tên các động vật có những đặc điểm trên mà em quan sát được. Theo em, những đặc điểm này có lời gì cho động vật?  **Câu 3.** Chia sẻ những hình ảnh về động vật em đã chụp được trong quá trình quan sát hoặc vẽ lại một loài em đã quan sất được.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS trả lời câu hỏi dựa trên kết quả quan sát thực tế và hoàn thành báo cáo thu hoạch  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS thảo luận và chia sẻ các hình ảnh động vật chụp được trong quá trình học tập  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV thu lại bài thu hoạch. | **III. Thu hoạch**  HS dựa vào kết quả quan sát thực tế để hoàn thành  Câu 1. Ví dụ:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Tên động vật quan sát được | Môi trường sống | Đặc điểm  (hinh dạng, màu sắc, ...) | | 1 | Tôm | Dưới nước | Chân phân đốt | | 2 | Cá | Dưới nước | cơ thể hình thoi, dẹp hai bên | | 3 | Cua | Dưới nước | chân phân đốt | | 4 | Chim | Trên cạn | có lông vũ bao phủ cơ thể, có cánh | | 5 | Mèo | Trên cạn | có lông bao phủ cơ thể, có bốn chân | | 6 | Vịt | Trên cạn | có lông vũ bao phủ cơ thể, có cánh | | 7 | Chó | Trên cạn | có lông bao phủ cơ thể, có bốn chân | | 8 | Gà | Trên cạn | có lông vũ bao phủ cơ thể, có cánh |   Câu 2.  a) Nhóm động vật có xương sống gặp nhiều nhất, động vật không xương sống gặp ít nhất.  b) Học sinh quan sát, nêu tên các loài động vật.  c) Ví dụ những loài động vật: tắc kè, cá ngựa, mực, bọ ngựa, ...  Những đặc điểm về màu sắc và hình dáng đó giúp chúng ngụy trang trong môi trường, tránh bị kẻ thù hoặc con mồi phát hiện.  Câu 3: HS tự chia sẻ |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thu hoạch  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận, hoạt động nhóm |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

………….

Ngày soạn:.../..../.....

Ngày dạy::.../..../.....

## BÀI 38: ĐA DẠNG SINH HỌC

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

- Nêu dược khái niệm đa dạng sinh học

- Trình bày được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và với con người

- Trình bày được nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học

- Đề xuất và thực hiện các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác

**- Năng lực riêng:**

* Năng lực nghiên cứu khoa học
* Năng lực quan sát
* Năng lực trao đổi thông tin.
* Năng lực cá nhân của HS.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ, yêu thích môn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:**

- Các tranh, ảnh về các loài sinh vật, hệ sinh thái

- Các tranh ảnh về sản phẩm có nguồn gốc từ đa dạng sinh học

- Các tranh ảnh về các nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học

- Các tranh, ảnh về các biện pháp bảo vệ đa dạ sinh học

- Thiết bị máy chiếu, slide bài giảng

**2 - HS** : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** dẫn dắt hứng thú của HS về sự tồn tại của con người là dựa vào đa dạng sinh vật

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*GV đưa ra câu hỏi ở hoạt động khởi động, cùng học sinh dự đoán và cùng các em chia sẻ thoải mái những suy nghĩ của các em( kể cả chưa đúng) về đa dạng sinh học*

*Dẫn dắt:* Loài người từ khi hình thành đã biết săn bắn, hái lượm để tồn tại và phát triển. Cho đến nay, đa dạng sinh học vẫn cung cấp cho con người các bữa ăn cho tới quần áo để mặc. Nếu không có sự tồn tại của các loài sinh vật khác, chắc chắn con người không thể tồn tại được.Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu nội dung kiến thức trả lời cho câu hỏi vai trò của đa dạng sinh học là gì và tại sao phải bảo vệ đa dạng sinh học

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1:** *Khái niệm về đa dạng sinh học là gì?*

**a. Mục tiêu:** HS hình thành khái niệm đa dạng sinh học, sừ dụng các ví dụ thực tế

**b. Nội dung:** HS sử dụng hình 38.1 và 38.2 SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS quan sát hình 38.1 và 38.2 yêu cầu HS quan sát hình vẽ khu rừng, cánh đồng và rút ra khái niệm về đa dạng sinh học  HS lấy ví dụ về đa dạng loài ở thực vật, động vật.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Hoạt động theo cá nhân, quan sát hình  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Hs xung phong phát biểu lại, hs khác lắng nghe bổ sung  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung: Đa dạng sinh học còn được thể hiện ở đa dạng gen và đa dạng hệ sinh thái | **I. Đa dạng sinh học là gì?**  Đa dạng sinh học là sự phong phú của nhiều nhiều dạng, loài và các biến dị di truyền của mọi sinh vật trong đời sống tự nhiên.   * Ví dụ đa dạng sinh học ở loài gà: gà tre, gà chọi, gà lôi, gà rừng, ... * Đa dạng sinh học ở loài lúa: lúa nếp, lúa tẻ, lúa mạch, ... |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về vai trò của đa dạng sinh học đối với tự nhiên**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được vai trò của đa dáng inh học đối với tự nhiên thông qua nội udng và hình trong SGK

**b. Nội dung:** HS sử dụng hình ảnh và thông tin SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV tổ chức cho HS chia thành các nóm tự đọc SGK mục II.1, trình bày ngắn gọn các vai trò của đa dạng sinh học đối với tự nhiên, con người:  *? 1: Quan sát hình 15.3 và cho biết điều gì sẽ xảy ra nếu loài sau trong hình bị giảm số lượng hoặc biến mất.*  *a) Cú mèo*  *b) Thực vật*  *? 2:  Kể tên các loài thực phẩm và đồ dùng của con người có nguồn gốc từ động vật và thực vật.*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS đọc và trả lời câu hỏi ở mục II.1, trong SGK  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Mỗi nhóm đưa ra các vai trò của đa dạng sinh học đối với con người và ví dụ ở mỗi vai trò  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, tổng hợp lại các nội dung chính | **II. Vai trò của đa dạng sinh học**  **1. Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên**  Vai trò giúp duy trì và ổn định sự sống trên trái đất, đảm bảo sự tồn tại và ổn định cân bằng hệ sinh thái  ?CH1:  a) Khi cú mèo bị giảm số lượng hoặc biến mất thì số lượng loài chuột sẽ tăng lên. Chúng sẽ tranh giành và ăn hết thức ăn của loài thỏ và dê, phá hoại thực vật. Khi đó làm số lượng thỏ và dê cũng giảm đi đồng thời các loài động vật ăn thịt như chó rừng, sư tử hay mèo rừng cũng giảm số lượng.   b) Khi thực vật bị giảm số lượng hoặc biến mất thì những loài ăn thực vật như chuột, thỏ, dê sẽ không có đủ thức ăn. Khi đó số lượng loài của chúng sẽ giảm kéo theo những loài động vật ăn thịt cũng giảm về số lượng.  **2. Vai trò của đa dạng sinh học với con người:**  + Đảm bảo sự phát triển bền vững của con người thông qua việc cung cấp ổn định nguồn nước, lương thực, thực phẩm  + Tạo môi trường sống thuận lợi cho con người  + Tạo cảnh quan thiên nhiên phục vụ cho nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng  + Giúp con người thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiên tai  ? CH2: Thực phẩm và đồ dùng của con người có nguồn gốc từ động vật: thịt, trứng, cơm, hoa quả, bàn, ghế, lược, đàn piano, ... |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và hậu qủa**

**a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả thông qua việc HS đọc SGK, quan sát hình và trả lời các câu hỏi

**b. Nội dung:** HS đọc thông tin SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv tổ chức cho HS hoạt động nhóm từ 4-6 người, đọc SGK và yêu cầu:  + Tìm hiểu tình trạng đa dạng sinh học hiện nay thông qua trả lời câu hỏi mục III.1 trong SGK  + Trình bày hậu qủa của việc suy giảm đa dạng sinh học thông qua việc trả lời câu hỏi ở mục III.2 trong SGK  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc thông tin, thảo luận nhóm, tổng hợp lại ý kiến vào giấy  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi 1 nhóm phát biểu, các nhóm khác nhận xét bổ sung  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, bổ sung ở mỗi hoạt động trả lời của HS, chốt kiến thức | **II. Nguyên nhân gây ra suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả**  **1. Nguyên nhân**  Các nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học:  + Nguyên nhân tự nhiên: cháy rừng, núi lửa.  + Do con người: phá rừng; phun thuốc trừ sâu, diệt cỏ; săn bắt động vật hoang dã.  + Nguyên nhân chính gây suy giảm đa dạng sinh học là do con người, con người tác động nhiều và liên tiếp vào môi trường và vào đa đạng sinh học.  - Các hoạt động gây suy giảm đa dạng sinh học của con người: đốt rừng, khai thác quá mức sinh vật,...  **2. Hậu quả**  + Phá rừng làm mất lượng lớn các loài sinh vật dẫn đến các hậu quả: động vật hoang dã mất đi nơi ở và nguồn thức ăn dẫn đến không tồn tại được; con người mất đi một nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, cây gỗ phục vụ cho hoạt động sản xuất; giảm đa dạng nguồn gen; tăng nguy cơ sạt lở, lũ lụt,.... |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học**

**a. Mục tiêu:** HS đưa ra các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học dựa trên chính nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học

**b. Nội dung:** HS quan sát hình 38.9 kết hợp với kiến thức bản thân để hoàn thiện yêu cầu GV

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu HS quan sát Hình 38.9 kết hợp với kiến thức về các nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học để đưa ra các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.  Sau đó, GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động trong SGK.  HS về nhà tìm hiểu thêmvề các Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa đạng sinh học,... tuyên truyền cho mọi người và cùng thực hiện.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS quan sát tranh kết hợp với kiến thức thực tế hoàn thành câu hỏi hoạt động  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi HS trả lời, HS còn lại nhận xét  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV đánh giá bổ sung nếu chưa hoàn chỉnh | **IV. Bảo vệ đa dạng sinh học**  Các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học: bảo vệ rừng, trồng rừng, xây dựng vườn quốc gia và khu bảo tồn, bảo vệ động vật hoang đã,... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP+ VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu :** Học sinh củng cố lại kiến thức, vận dụng kiến thức vào thực tế

**b. Nội dung :** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để thực hàn.

**c. Sản phẩm :** HS làm các bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

HS áp dụng kiến thức đã học thực hiện những hành động thiết thực góp phần bảo vệ đa dạng sinh học. HS tuyên truyền cho mọi người sự cần thiết bảo vệ đa dạng sinh học và những biện pháp thực hiện

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

………….

Ngày soạn:.../..../.....

Ngày dạy::.../..../.....

## BÀI 39: TÌM HIỂU SINH VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

- Quan sát được các loài sinh vật, môi trường sống và các đặc điểm hình dạng đặc trưng của các loài động, thực vật.

- Biết cách thu mẫu ngoài thiên nhiên (đối với động vật).

- Phân loại được các loài thực vật, động vật quan sát được vào các lớp/ngành phù hợp.

- Chấp hành nghiêm các quy định của buổi ngoại khoá về kỉ luật, bảo vệ môi trường, nguyên tắc thu mẫu, xử li mẫu.

- Phát triển được các kĩ năng làm việc nhóm, quan sát, phân tích, thu thập, xử lí; năng lực hợp tác, tìm tòi, khám phá, trình bày, giải thích, vận dụng.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác

**- Năng lực riêng:**

* Năng lực nghiên cứu khoa học
* Năng lực phương pháp thực nghiệm.
* Năng lực trao đổi thông tin.
* Năng lực cá nhân của HS.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu thiên nhiên

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Chuẩn bị dụng cụ theo mục I. Chuẩn bị SGK

**2 - HS** : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi trí tò mò của tạo hứng thú cho HS

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Dẫn dắt:**

**Ở tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu về đa dạng sinh học, hiểu được vai trò cũng như nguyên nhân, hậu quả của đa dạng sinh học.**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Hướng dẫn chung**

**a. Mục tiêu:** khát quát để HS lựa chọn đúng dụng cụ trong buổi quan sát và có định hướng ghi thông tin khi quan sát

**b. Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu các dụng cụ có trong buổi quan sát và mục đích sử dụng của các dụng cụ đó. Nhắc nhở HS trong quá trình quan sát cần chụp lại ảnh và ghi lại các thông tin quan sát được  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc trước SGK các yêu cầu sau đó tiến hành hoàn trả lời thiện mỗi nội dung  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS ghi lại vào vởi những điều GV cần chú ý và những gì quan sát được  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV giải đáp thắc mắc nếu có cho HS | **II. CÁCH TIẾN HÀNH**  **1. Hướng dẫn chung**  + Quan sát bằng mắt thường  + Quan sát bằng kính lúp  + Quan sát bằng ống nhòm  + Chụp ảnh  + Ghi chép  + Làm bộ sưu tập |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về thực vật và động vật**

**a. Mục tiêu:** khát quát để HS lựa chọn đúng dụng cụ trong buổi quan sát và có định hướng ghi thông tin khi quan sát

**b. Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **NV1:** Quan sát môi trường sống, nhận biết vai trò của thực vật, động vật:  GV yêu cầu HS quan sát theo các yêu cầu trong SGK. Ở mỗi môi trường, quan sát và ghichép theo các yêu cầu cùng lúc cả động vật và thực vật.  + Quan sát và ghi tên các loài thực vật, động vật trong các môi trường sống khác nhau.  + Chỉ ra vai trò của các loài thực vật, động vật quan sát được.  + Chụp ảnh các loài sinh vật quan sát được.  **NV2: quan sát hình dạng, phân loại một số nhóm thực vật và động vật**  - HS phân loại thực vật và động vật vào các lớp/ngành phù hợp dựa vào đặc điểm trên các mẫu vật thật bằng cách:  + Ghi chép và chụp ảnh các đặc điểm nổi bật của thực vật, động vật và phân loại các loài vào lớp/ngành phù hợp.  + Quan sát và ghi chép các đặc điểm thích nghỉ của động vật với môi trường sống.  - HS tiến hành quan sát các loài thực vật, động vật. Ghi lại các đặc điểm đặc trưng dùng để phân loại sinh vật.  - HS chụp ảnh lại các đặc điểm nổi bật vừa ghi để làm bộ sưu tập ảnh. Đối với các loài bay lượn hoặc bơi (cá), HS có thể sử dụng ống nhòm hoặc thu mẫu rối quan sát.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc thông tin, theo dõi SGK và hướng dẫn để thực hành  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Ghi chép lại kết quả vào vở  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  Gv giải đáp những thắc mắc, hướng dẫn những HS chưa biết cách quan sát | **2. Tìm hiểu về thực vật và động vật**  a. Quan sát môi trường sống, vai trò của thực vật và động vật ( SGK)  b. Quan sát hình thái, phân loại một số nhóm thực vật và động vật ( SGK)  c. Tìm hiểu về cách bắt thả mẫu ( sgk) |

**Hoạt động 3: Báo cáo kết quả của buổi ngoại khóa**

**a. Mục tiêu:** HS báo cáo, trình bày các nội dung thma quan, tìm hiểu thiên nhiên, HS báo cáo trình bày lại thông qua phiếu thu hoạch

**b. Nội dung**: báo cáo kết quả quan sát

**c. Sản phẩm:** Báo cáo kết quả

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Gv yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm của nhóm mình làm được, các loài động, thực vật đã quan sát được.  + So sánh giữa các nhóm để thấy loài nào quan sát được, loài nào không quan sát được  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS từ những ghi chép quan sát được hoàn thành PHT 1 và PHT2  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV chiếu mẫu Phiếu học tập 1  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  Gv giải đáp những thắc mắc, hướng dẫn những HS chưa biết cách quan sát | Tuỳ vào từng học sinh mà sẽ thu được sản phẩm khác nhau PH1, PH2 |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện PHT  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**PHIẾU HỌC TẬP 1**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên cây | Môi trường sống | Đặc điểm | | | Vị trí phân loai | Vai trò |
| Rễ cây | Thân cây | Cơ quan sinh vật |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên động vật | Môi trường sống | Đặc điểm hình thái nổi bật | Vị trí phân loại | Vai trò |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |